TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 399/2019/DS-PT Ngày: 31/12/2019 *V/v: "tuyên bố hợp đồng tặng cho vô hiệu; hủy hợp đồng tặng cho và chia thừa kế theo pháp luật*".	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

-Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Thu Nam

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thúy

Bà Nguyễn Thu Hồng

-Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hương L,Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội: Bà Nguyễn Thúy Hà - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 31 tháng 12 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 276/2019/TLPT-DS ngày 28 tháng 8 năm 2019 về việc *"Tuyên bố hợp đồng tặng cho vô hiệu và hủy hợp đồng tặng cho; chia thừa kế theo pháp luật*".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 09/2019/DS-ST, ngày 29/5/2019 của Tòa án nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 370/2019/QĐ-PT ngày 14 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

Ông Lương Đình T, sinh năm 1960;

Hộ khẩu thường trú: Số 92 phố Quang Trung, phường Quang Trung, quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội *(có mặt).*

Bị đơn:

Bà Lương Thị Kim L, sinh năm 1967;

Hộ khẩu thường trú: Số 92 phố Quang Trung, phường Quang Trung, quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội;

Địa chỉ nơi cư trú: 2711, S2, 47 phố Nguyễn Tuân, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, Hà Nội *(có mặt).*

Người đại diện theo ủy quyền:

1. Ông Ngô Tiến Thành, sinh năm 1973; Giấy CMTND số 011722472 do Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 21/8/2008.

2. Ông Đặng Xuân Thủy, sinh năm 1960; căn cước công dân số 040060000219 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 26/3/2019.

Địa chỉ: 310 B7 Thanh Xuân Bắc, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

3. Ông Hoàng Công Phương, sinh năm 1975; Giấy CMTND số 132023079 do Công an tỉnh Phú Thọ cấp ngày 20/01/2015.

Địa chỉ: Xã Phú Lộc, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ

(theo Giấy uỷ quyền số công chứng 11580.2019/GUQ ngày 26/11/2019 lập tại Văn phòng Công chứng Đông Đô).

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà L không ủy quyền cho những người có tên nêu trên mà tự mình tham gia phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. *Người kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông Lương Đình Hiệp:*

1.1. Bà Nguyễn Thị Nhã, sinh năm 1951; HKTT: 119 Bế Văn Đàn, phường Quang Trung, quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội *(có mặt).*

1.2. Anh Lương Đình Phương, sinh năm 1971; HKTT: 119 Bế Văn Đàn, phường Quang Trung, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội; Trú tại: P202, CT7B, khu đô thị Văn Quán, phường Phúc La, Hà Đông, Hà Nội *(có mặt).*

1.3. Anh Lương Đình Sâm, sinh năm 1973; HKTT: 119 Bế Văn Đàn, phường Quang Trung, quận Hà Đông, Hà Nội; Trú tại: P3509 - V3, tòa nhà Victoria Văn Phú, khu đô thị Văn Phú, phường Phú La, Hà Đông, Hà Nội *(vắng mặt).*

1.4. Chị Lương Thị Thúy Hằng, sinh năm 1975; HKTT và trú tại: D1- 1402 - Imperia An Phú khu phố 5, phường An Phú, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh. *Chị Hằng ủy quyền cho anh Sâm (anh Sâm vắng mặt).*

2. Bà Lương Thị Hoàng Điệp, sinh năm 1949 *(vắng mặt);* HKTT: 5A/E7 Tập thể đóng tàu Bạch Đằng, phường Hạ Lý, quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng; Địa chỉ hiện nay: Số 9 B5, ngõ 16B - Tập thể đóng tàu Bạch Đằng, phường Hạ Lý, quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng; Bà Điệp ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Nhã *(bà Nhã có mặt).*

3. Bà Lương Thị Dung, sinh năm 1951; HKTT và trú tại: Số 6 ngách 65/30 đường Khương Đình, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội *(có mặt).*

4. Ông Lương Đình Tiến, sinh năm 1955 *(có mặt);* HKTT và trú tại: Số 92 phố Quang Trung, phường Quang Trung, quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội; Địa chỉ nơi ở: P208 CT1A chung cư Xa La, phường Phúc La, Hà Đông, Hà Nội; ông Tiến ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Nhã *(bà Nhã có mặt).*

Bà Đỗ Ánh Tiếp *(vợ ông Tiến - có mặt*), anh Lương Đình Tú *(con ông Tiến, bà Tiếp - có mặt)*; chị Lương Thúy Nga và chị Lương Thanh Lịch *(con ông Tiến, bà Tiếp có đơn xin xét xử vắng mặt).*

5. Ông Lương Đình Thắng, sinh năm 1958 *(có mặt);* HKTT và trú tại: Số 92 phố Quang Trung, phường Quang Trung, quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội; Địa chỉ tạm trú: số nhà 10, Tổ 10 phường Phú La, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội. *(Tại phiên tòa, ông Thắng không ủy quyền cho bà Nhã mà tự mình tham gia phiên tòa).*

Bà Nguyễn Thị Tươi, sinh 1974 *(vợ ông Thắng - có mặt).*

Anh Lương Đình Lợi, sinh năm 1993, anh Lương Đình Vui, sinh năm 2000 *(có đơn xin xét xử vắng mặt).*

6. Bà Lương Thị Kim Oanh, sinh năm 1963 *(vắng mặt);* HKTT và trú tại: Số 92 phố Quang Trung, phường Quang Trung, quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội. Địa chỉ nơi ở: huyện Tủa Chùa, Thành phố Điện Biên, tỉnh Điện Biên. *(Bà Oanh ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Nhã, bà Nhã có mặt).*

7. Bà Lương Thị Phi Yến, sinh năm 1965 *(có mặt);* HKTT và trú tại: Số 92 phố Quang Trung, phường Quang Trung, quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội; *(Tại phiên tòa, bà Yến không ủy quyền cho bà Nhã, mà tự mình tham gia phiên tòa).*

Các con của bà Yến là: Nguyễn Việt Anh, sinh 1983; Bùi Hoàng Anh, sinh 1996; Bùi Thủy Tiên, sinh năm 2003 *(đều có đơn xin xét xử vắng mặt).*

8. Ông Lương Đình Thành, sinh năm 1968 *(vắng mặt);* HKTT và trú tại: Số 92 phố Quang Trung, phường Quang Trung, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

(Ông Thành ủy quyền cho bà Nhã, bà Nhã có mặt).

Bà Nguyễn Thị Yến, sinh năm 1971 *(có mặt).*

Các con của ông Thành, bà Yến là Lương Khánh Ly, sinh năm 2000; Lương Thành Đạt, sinh năm 2006 *(đều có đơn xin xét xử vắng mặt).*

9. Bà Vũ Mai Lý, sinh 1968 *(vợ ông T, có mặt).*

Các con là Lương Thu Hương, sinh năm 1991; Lương Khánh Linh, sinh năm 1995;

Lương Mỹ Tâm, sinh năm 2003 *(có đơn xin xét xử vắng mặt).*

10. Văn phòng công chứng Thành Đô (nay là Văn phòng công chứng Bùi Hữu Dũng); địa chỉ: Số 26 - TT4, khu đô thị Văn Phú, phường Phú La, Hà Đông, Hà Nội; người đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Hữu Dũng - chức vụ: Trưởng văn phòng *(có đơn xin xét xử vắng mặt).*

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Lương Đình T trình bày:

Cụ Lương Đình Hoán (mất ngày 15/10/1990) và cụ Nguyễn Thị Chí (mất ngày 22/10/2012), hai cụ có 11 người con chung là: Lương Đình Hiệp; sinh năm 1948 (chết 07/02/2012); Lương Thị Hoàng Điệp; Lương Thị Dung; Lương Đình Tiến; Lương Đình Thắng; Lương Đình T; Lương Thị Kim Oanh; Lương Thị Phi Yến; Lương Thị Kim L; Lương Đình Thành; Lương Đình Lâm, sinh năm 1977 (chết 14/10/2014) không có vợ con.

Nhà, đất thuộc thửa đất số 259, tờ bản đồ số 14, diện tích 118,63m^2 , theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM673790 ngày 01/4/2008 đứng tên cụ Nguyễn Thị Chí, có nguồn gốc từ năm 1954 do cụ Hoán, cụ Chí thuê để gia đình ở. Năm 2007 nhà đất đã hóa giá theo Nghị Định số 61/CP của Chính phủ, cụ Chí là người đứng ra kê khai xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trước khi làm thủ tục hóa giá, cụ Chí tổ chức họp gia đình thống nhất 11 người con mỗi người đóng góp 19.000.000 đồng (có giấy giao nhận tiền của một số người con) để cụ nộp tiền vào ngân sách làm thủ tục thanh lý nhà đất. Ngày 28/12/2007, có lập biên bản "Họp gia đình" đồng thời cụ Chí lập 01 "Bản di chúc" đề ngày 28/12/2007 nêu ý nguyện phân chia tài sản cho các con sau khi cụ qua đời. Năm 2008 cụ Chí được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM673790, ngày 01/04/2008.

Năm 1998 vợ chồng ông T cải tạo và xây căn nhà trên một phần diện tích đất làm chỗ ở như hiện trạng sử dụng; toàn bộ tầng 1 gia đình ông Thành vẫn sử dụng và thờ cúng chung; một phần diện tích nhà cũ hiện bà Yến sử dụng. Trên đất còn 01 căn nhà do vợ chồng bà Nhã làm vào năm 1991 nhưng hiện tại bà Nhã đang ở nơi khác. Các anh chị em khác đều có chỗ ở riêng, trên nhà đất hiện nay chỉ có gia đình ông T, ông Thành và bà Yến quản lý sử dụng.

Do có việc mỗi người có đóng góp tiền và có thỏa thuận tại Biên bản họp gia đình, cụ Nguyễn Thị Chí là người đứng tên chủ hộ nên cần coi nhà đất trên thuộc

quyền sở hữu hợp pháp của bố mẹ và của tất cả các anh chị em trong gia đình; nay đề nghị Tòa án chia tài sản chung làm 12 phần, trong đó trích phần tài sản của cụ Chí và ông Lâm giao cho bà Nhã có trách nhiệm làm nhà thờ.

Việc bà L yêu cầu thực hiện Hợp đồng cho tặng tài sản là không đúng với ý nguyện của cụ Chí và tất cả các thành viên trong gia đình đã thể hiện tại Biên bản họp nêu trên. Theo nguyên đơn, do bà L muốn chiếm đoạt nhà, đất nên dùng thủ đoạn để làm thủ tục cho, tặng, cụ thể là vào khoảng cuối năm 2010 bà L đón mẹ về nhà thuê tại Văn Quán ở khoảng 03 tháng, sau đó bà L yêu cầu Văn phòng công chứng lập Hợp đồng tặng cho tài sản, tuy nhiên ngay sau đó các thành viên trong gia đình và cụ Chí đã có đơn đề nghị Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội, quận Hà Đông dừng thủ tục sang tên cho bà L với lý do, việc cho, tặng đã xâm phạm đến quyền lợi về tài sản của các thành viên còn lại. Mặt khác, tại thời điểm năm 2010, gia đình họp bàn để bán nhà đất, bà L nhận quản lý Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để lo thủ tục nhưng đã lợi dụng việc đó để lập Hợp đồng tặng cho là hoàn toàn trái với thỏa thuận chung được lập tại Biên bản họp gia đình mà bà L cũng nhất trí.

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu:

- Tuyên Hợp đồng cho, nhận quyền sử dụng thửa đất số 259, tờ bản đồ số 14, diện tích đất ở 118,63 m² giữa cụ Nguyễn Thị Chí và bà Lương Thị Kim L là vô hiệu.

- Tuyên hủy Hợp đồng cho, nhận quyền sử dụng thửa đất có số công chứng 4185/2010/HĐCN ngày 30/11/2010 của Văn phòng công chứng Thành Đô.

- Chia tài sản chung sau này bổ sung thêm yêu cầu khởi kiện chia thừa kế đối với khối tài sản là thửa đất số 259, tờ bản đồ số 14, diện tích đất ở 118,63m², được UBND quận Hà Đông cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM673790 ngày 01/04/2008 đứng tên cụ Nguyễn Thị Chí.

Trích phần tài sản của cụ Chí và ông Lâm giao cho bà Nhã để bà Nhã xây nhà thờ chung.

Bị đơn bà Lương Thị Kim L và người đại diện theo ủy quyền của bà L trình bày:

Khối tài sản là thửa đất số 259, tờ bản đồ số 14, diện tích đất ở 118,63m^2 được UBND quận Hà Đông cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM673790 ngày 01/04/2008 là tài sản riêng thuộc quyền sử dụng của cụ Nguyễn Thị Chí.

Bằng ý chí của mình, cụ Nguyễn Thị Chí đã tặng cho toàn bộ tài sản là quyền sử dụng đất nêu trên theo Hợp đồng tặng cho số 4185/2010/HĐCN, quyển số 03/VP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng Công chứng Thành Đô. Đây là hợp đồng giao dịch hoàn toàn hợp pháp cả về hình thức cũng như nội dung theo quy định của pháp luật, không vi phạm điều cấm của pháp luật cũng như đạo đức xã hội. Các chủ thể có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, không bị ép buộc, lừa dối. Do đó không còn di sản thừa kế để chia theo pháp luật như yêu cầu của phía nguyên đơn - ông T và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác không có quyền yêu cầu Tòa án chia thừa kế đối với khối tài sản trên.

Đối với yêu cầu của phía nguyên đơn về việc tuyên hủy Văn bản công chứng số 4185/2010/HĐCN và tuyên Hợp đồng cho nhận quyền sử dụng đất số công chứng 4185/2010/HĐCN vô hiệu là không có căn cứ, bởi người có quyền yêu cầu hủy văn bản tặng cho trong vụ án này là Cụ Nguyễn Thị Chí - chủ thể của hợp đồng nhưng nay cụ Chí đã mất. Theo quy định tại Điều 136 Bộ Luật Dân sự năm 2005 có quy định về thời hiệu yêu cầu Tòa án tuyên bố giao dịch dân sự vô hiệu: *"Thời hiệu yêu cầu Tòa án tuyên bố giao dịch dân sự vô hiệu được quy định tại các điều từ Điều 130 đến 134 của Bộ luật này là hai năm, kể từ ngày giao dịch dân sự được xác lập"* do vậy, tính đến nay thời hiệu khởi kiện tuyên hủy hợp đồng đã hết. Đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện cũng như toàn bộ yêu cầu của phía nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Nguyễn Thị Nhã và các anh Lương Đình Phương, Lương Đình Sâm, chị Lương Thị Thúy Hằng cùng thống nhất trình bày: Xác nhận nhà đất của hai cụ Chí, cụ Hoán thuê của Nhà nước. Thời điểm năm 2007 khi Nhà nước làm thủ tục hóa giá nhà đất khi đó cụ Hoán đã chết, cụ Chí đã họp gia đình và thống nhất mỗi người con đều phải góp tiền để làm thủ tục mua hóa giá nhà đất theo quy định. Gia đình cử ông Hiệp đại diện liên hệ làm thủ tục, sau đó cụ Chí được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM673790 ngày 01/04/2008. Năm 1991 vợ chồng bà làm 01 căn nhà trên thửa đất, gia đình bà ở đó đến khi ông Hiệp mất thì chuyển chỗ ở khác. Hiện gia đình ông Thành sử dụng căn nhà đó. Nhất trí với yêu cầu khởi kiện của ông T và đề nghị được hưởng di sản thừa kế bằng giá trị và phải thanh toán căn nhà trên đất là tài sản của vợ chồng bà Nhã đã xây.

- Bà Lương Thị Hoàng Điệp trình bày: Năm 2007 khi Nhà nước làm thủ tục hóa giá nhà đất, cụ Chí họp gia đình thống nhất với các con mỗi người đều phải

góp tiền để làm thủ tục hóa giá nhà đất theo quy định. Cụ Chí đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM673790 ngày 01/04/2008.

Bà Điệp nhất trí với yêu cầu khởi kiện của ông T, đồng thời trình bày, vào khoảng năm 2010 khi bà đến trông mẹ ốm tại nhà bà L thuê ở Văn Quán, bà chứng kiến đại diện Văn phòng công chứng đến nhà bà L làm Hợp đồng tặng cho nhà đất, khi đó cụ Chí đang bị ốm nặng không tự ký được nên bà L đã cầm tay cụ Chí để ký và điểm chỉ; thời điểm đó ngoài bà Điệp còn có mặt anh Phương, ông Tiến, ông Thắng và bà Yến đều biết sự việc.

- Ông Lương Đình Thắng, ông Lương Đình Thành, bà Lương Thị Kim Oanh, bà Lương Thị Phi Yến, ông Lương Đình Tiến, bà Lương Thị Dung đều thống nhất như nội dung trình bày của ông T, bà Nhã, bà Điệp về nguồn gốc thửa đất số 259, tờ bản đồ số 14, diện tích đất ở 118,63m^2 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM673790 ngày 01/04/2008 đứng tên cụ Nguyễn Thị Chí. Các ông bà đều nhất trí với yêu cầu khởi kiện của ông T và đề nghị được hưởng thừa kế bằng giá trị.

- Ông Thành xác định vợ chồng ông và các con có đóng góp vào khối tài sản hiện nay nhưng không đáng kể nay không có yêu cầu hưởng công sức.

- Bà Nguyễn Thị Yến, bà Đỗ Ánh Tiếp, bà Nguyễn Thị Tươi và các anh, chị: Lương Khánh Ly, Lương Thành Đạt, Lương Đình Tú, Lương Thúy Nga, Lương Thanh Lịch, Lương Đình Lợi, Nguyễn Việt Anh, Bùi Hoàng Anh, Bùi Thủy Tiên, Lương Thu Hương, Lương Khánh Linh, Lương Mỹ Tâm đều xác định không đóng góp được gì vào khối tài sản nêu trên nên không yêu cầu giải quyết.

Văn phòng công chứng Thành Đô (nay là VPCC Bùi Hữu Dũng) trình bày: xác định việc công chứng đối với Hợp đồng tặng, cho giữa cụ Chí và bà L. Hợp đồng công chứng được lập trên cơ sở tự nguyện của các đương sự, việc xác lập Hợp đồng có đủ giấy tờ về quyền sở hữu và kê khai của các đương sự theo quy định; về vấn đề nhận thức của người cho, tặng qua tiếp xúc trực tiếp và dựa vào cảm quan xác định họ ở trạng thái minh mẫn.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 09/2019/DS-ST ngày 29/5/2019 của Toà án nhân dân quân Hà Đông đã xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn về việc yêu cầu chia thừa kế; Yêu cầu tuyên Văn bản công chứng số 4185/2010/HĐCN ngày

30/11/2010 của Văn phòng công chứng Thành Đô là vô hiệu; tuyên hủy Hợp đồng cho, nhận quyền sử dụng đất.

Tuyên hủy Hợp đồng cho nhận quyền sử dụng đất tại văn bản công chứng số 4185/2010/HĐCN ngày 30/11/2010 của Văn phòng công chứng Thành Đô.

Xác nhận di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị Chí là nhà đất tại địa chỉ số 92 Quang Trung, phường Quang Trung, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội giá trị là: 16.236.627.900 đồng : 10 = 1.623.662.790đồng.

Giao anh Lương Đình T được hưởng toàn bộ nhà và tài sản gắn liền với đất tại số 92 Quang Trung, phường Quang Trung, quận Hà Đông bằng hiện vật.

Buộc anh Lương Đình T phải thanh toán kỷ phần các đồng thừa kế sau: Lương Thị Hoàng Điệp; Lương Thị Dung; Lương Đình Tiến; Lương Đình Thắng; Lương Đình T; Lương Thị Kim Oanh; Lương Thị Phi Yến; Lương Thị Kim L; Lương Đình Thành và những người thừa kế thế vị của ông Hiệp (do bà Nhã đại diện nhận) mỗi kỷ phần là 1.623.662.790 đồng.

Anh Lương Đình T phải thanh toán giá trị căn nhà cho bà Nguyễn Thị Nhã là 32.744.600đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về phần án phí, quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 11/6/2019, bị đơn bà Lương Thị Kim L có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm và cho rằng, Toà án cấp sơ thẩm xét xử không đúng quy định của pháp luật, ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn, vi phạm thủ tục tố tụng khi không tống đạt văn bản tố tụng cho bị đơn trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Đề nghị Toà án cấp phúc thẩm huỷ bản án sơ thẩm; không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, nhất trí với bản án sơ thẩm và đề nghị giữ nguyên.

Bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo;

Bà Lương Thị Phi Yến là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có đơn kháng cáo, tuy nhiên bà đề nghị sửa bản án sơ thẩm, chỉ giao cho ông T đứng ra bán nhà đất lấy tiền chia cho các đồng thừa kế khác chứ không giao cho ông T được hưởng kỷ phần thừa kế bằng hiện vật vì ông T không có khả năng thanh toán giá trị di sản thừa kế cho các đồng thừa kế khác; bà Yến không đồng ý nhường kỷ phần thừa kế mà bà được hưởng từ việc chia tài sản thừa kế của ông Lâm cho bà Nhã để làm nhà thờ chung.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác có mặt tại phiên tòa đều giữ nguyên ý kiến như đã trình bày tại giai đoạn sơ thẩm.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự, các đương sự đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội sau khi phân tích, đánh giá quá trình giải quyết vụ án xác định, Hợp đồng cho tặng nhà đất tại địa chỉ số 92 Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội giữa cụ Chí và bà L do Văn phòng Công chứng Thành Đô lập là không hợp pháp. Toà án nhân dân quận Hà Đông tuyên vô hiệu và tuyên huỷ là có căn cứ, tuy nhiên Toà án cấp sơ thẩm chưa làm rõ hồ sơ mua hoá giá nhà, đất này theo Nghị định 61/CP là mua theo hộ gia đình hay cá nhân cụ Chí đứng ra mua, nên chưa có căn cứ xác định nhà, đất tại 92 Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội là tài sản chung hay di sản thừa kế để có căn cứ chia tài sản thừa kế theo pháp luật. Do chưa thu thập chứng cứ đầy đủ nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự huỷ toàn bộ bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận công khai tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

1.Về tố tụng:

Bị đơn có đơn kháng cáo trong thời hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên xác định kháng cáo là hợp lệ.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có đơn kháng cáo, một số người có đơn xin xét xử vắng mặt và uỷ quyền tham gia tố tụng, một số người đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng tại phiên toà vắng mặt không có lý do. Xét thấy sự vắng mặt của những người này không làm ảnh hưởng đến việc xét xử nên căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử theo quy định của pháp luật.

2. Về Nội dung:

Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

2.1 Xem xét tính hợp pháp của Hợp đồng tặng cho

Quá trình giải quyết vụ án, cơ quan quản lý đất đai UBND quận Hà Đông cung cấp, theo Hợp đồng thuê nhà năm 1966, nhà số 82 Quang Trung, diện tích nhà chính 33,55m2, Phòng quản lý nhà đất thị xã Hà Đông cho cụ Nguyễn Thị Chí đứng tên thuê từ 01/01/1966 đến 01/01/1967; Theo bản đồ và sổ mục kê năm 1985 thể hiện, thửa đất số 79, diện tích 142m2 tại địa chỉ số 82A Quang Trung (nay là số 92 Quang Trung) đứng tên chủ sử dụng là cụ Lương Đình Toán; Bản đồ và sổ mục kê năm 1998 thể hiện, thửa số 259, tờ bản đồ số 14, diện tích 110,8m2 chủ sử dụng đất là Phòng Địa chính thị xã Hà Đông (cho thuê); Biểu tổng hợp nhà đất thuộc diện phải xác lập sở hữu toàn dân kèm theo tờ trình số 252/TTr-UB ngày 18/10/2007, trong đó có trường hợp cụ Nguyễn Thị Chí đang sử dụng nhà số 92 Quang Trung có diện tích 118,63m2. Ngày 07/12/2007, UBND tỉnh Hà Tây ban hành Quyết định số 2353/QĐ-UBND về việc xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với căn nhà số 92 (số cũ là 82) Quang Trung, Hà Đông nêu trên; Sổ theo dõi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 2007 - 2008 của Phòng Tài nguyên và Môi trường quận Hà Đông, ngày 01/4/2008 UBND thành phố Hà Đông cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 673790 cho cụ Chí thửa đất số 259, tờ bản đồ số 14, diện tích 118,63m2, không chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất cho cụ Chí (có Sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất kèm theo). Về hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng nhà, đất nêu trên, do chuyển đổi địa điểm làm việc nên hiện nay không còn tìm thấy hồ sơ này trong kho lưu trữ của Phòng Tài Nguyên - Môi Trường (BL 397- 397a và Công văn số 1388/TNMT ngày 30/12/2019 của Phòng Tài Nguyên - Môi Trường UBND quận Hà Đông).

Căn cứ trình bày của các bên đương sự, tài liệu, chứng cứ do các đương sự giao nộp và Tòa án thu thập được thể hiện, năm 2007 theo chủ trương của Nhà nước về việc xác lập quyền sở hữu toàn dân (mua nhà) theo Nghị định 61/CP ngày 05/7/1994 của Chính Phủ (Nghị định 61/CP), Cụ Chí đã họp gia đình và có lập Biên bản *"Họp gia đình"* ngày 28/12/2007, nội dung biên bản họp có nêu nguồn gốc nhà đất, mỗi người con đóng góp tiền để cụ Chí mua nhà, cách thức phân chia tài sản và thống nhất: nhà, đất số 92 Quang Trung, Hà Đông sau khi được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và cụ Chí qua đời thì một năm sau mới được bán, số tiền bán được sẽ chia đều cho tất cả các con đẻ của cụ Chí (biên bản đã được các thành viên ký trong đó có bà L).

Ngày 30/11/2010 Văn phòng công chứng Thành đô đã công chứng Hợp đồng cho nhận quyền sử dụng đất giữa bên cho là cụ Nguyễn Thị Chí và bên nhận là bà Lương Thị Kim L. Tài sản cho nhận là toàn bộ quyền sử dụng đất tại địa chỉ 92

Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội. Giấy chứng nhận QSD đất số AM673790 ngày 01/04/2008 do UBND thị xã Hà Đông cấp đứng tên cụ Nguyễn Thị Chí.

Nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đứng về phía nguyên đơn cho rằng, cụ Chí không có quyền tự mình tặng cho tài sản nêu trên vì khi làm thủ tục mua hoá giá nhà đất này theo Nghị định 61/CP có sự đóng góp tiền của tất cả các con, bên cạnh đó trên đất còn có tài sản là nhà của bà Nhã, ông Thành, ông T đã xây dựng và ở nhiều năm nay. Việc cụ Chí tặng cho bà L nhà đất là do cụ Chí bị lừa dối và không đúng với ý chí của cụ, đồng thời nộp cho Tòa án 07 bản ghi chép *"Chi phí làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng nhà đất"* mỗi người nộp 19.000.000đồng để xác định đây là tài sản thuộc sở hữu chung.

Xét thấy, nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đứng về phía nguyên đơn đưa ra căn cứ để xác định nhà, đất nêu trên là tài sản chung, tuy nhiên không có đương sự nào chứng minh được nguồn tiền cụ Chí nộp khi mua thanh lý nhà là của các con đóng góp để được sở hữu chung nhà đất với cụ Chí; không có tài liệu nào phản ánh các con của cụ Chí có tên trong hợp đồng thuê nhà và có tên trong hồ sơ mua hoá giá nhà theo Nghị định 61/CP như trình bày. Biên bản họp gia đình ngày 28/12/2007 không có nội dung xác nhận nhà đất nêu trên là tài sản chung nên không phải là căn cứ xác định nhà, đất nêu trên là tài sản chung để chia theo yêu cầu. Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ do cơ quan quản lý đất đai địa phương cung cấp thì chỉ có cơ sở xác định nhà đất nêu trên là tài sản riêng của cụ Chí được mua hoá giá nhà theo Nghị định 61/CP.

Tuy nhiên Hợp đồng cho, nhận nhà đất do Văn Phòng Công chứng Thành Đô lập ngày 30/11/2010, giữa cụ Chí và bà L là trái với nguyện vọng của cụ Chí tại Biên bản họp gia đình ngày 28/12/2007, cụ thể: *"sau khi cụ Chí qua đời thì tài sản được bán chia đều cho các con"*. Mặt khác trên đất của cụ Chí còn có nhà ở của ông T, ông Thành và bà Nhã xây dựng, sửa chữa từ nhiều năm nay như hiện trạng. Ông T, ông Thành đều xác định đây là chỗ ở duy nhất của gia đình. Do vậy việc cho, tặng tài sản không có sự thỏa thuận hay đồng ý từ những người có tài sản trên đất là ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của những người nêu trên.

Về thủ tục công chứng Hợp đồng cho nhận tài sản: Theo bà L, việc lập Hợp đồng tặng cho tài sản giữa cụ Chí và bà L là hoàn toàn tự nguyện, tại thời điểm lập hợp đồng còn có sự chứng kiến của ông Thắng, bà Điệp. Quá trình giải quyết vụ án bà Lương Thị Hoàng Điệp có lời khai, năm 2010 khi bà đến trông mẹ ốm nằm tại nhà bà L thuê ở Văn Quán, bà chứng kiến đại diện Văn phòng công chứng Thành Đô lập Hợp đồng tặng cho tài sản tại nhà bà L, khi đó mẹ bà bị ốm nặng không tự

ký được nên bà L đã cầm tay cụ Chí để ký và điểm chỉ. Tại phiên toà ông Thắng xác nhận, việc lập Hợp đồng tặng cho được lập tại nhà bà L ở không phải tại Văn phòng Công chứng. Ông Thắng, ông T…đều xác nhận cụ Chí không tự đọc, tự viết được, phải cầm tay cụ Chí mới viết được chữ ký. Như vậy Hợp đồng cho, nhận quyền sử dụng đất công chứng số 4185/2010/HĐCN, thể hiện lập tại Văn phòng Công chứng Thành Đô là không đúng. Căn cứ quy định tại Điều 47 Luật Công chứng năm 2014; Bộ luật dân sự 2005; Luật Người cao tuổi xác định, tại thời điểm cho, nhận tài sản, cụ Chí là người già yếu cần được xác định tình trạng sức khoẻ và có người làm chứng khi ký kết hợp đồng, tuy nhiên Văn phòng Công chứng Thành Đô không thực hiện là vi phạm về thủ tục công chứng. Sau khi công chứng Hợp đồng, bà L chưa thực hiện nghĩa vụ đăng ký sang tên quyền sở hữu, sử dụng nhà đất nên Hợp đồng cho, nhận tài sản chưa phát sinh hiệu lực. Mặt khác sau khi lập Hợp đồng cho, nhận, cụ Chí cũng có đơn gửi cơ quan có thẩm quyền đề nghị hủy bỏ hồ sơ cho, nhận với lý do bị bà L lừa dối, lợi dụng việc bà không hiểu biết về thủ tục, giấy tờ pháp lý để làm Hợp đồng cho, nhận trái với ý muốn của cụ. Anh Lâm, ông T, ông Thành, ông Thắng, bà Nhã, bà Dung cũng có đơn đề nghị dừng việc sang tên quyền sở hữu với những lý do nêu trên; Văn phòng đăng ký đất đai quận Hà Đông có văn bản xác nhận cụ Chí cùng các ông, bà có tên nêu trên có đơn đề nghị dừng việc đăng ký biến động nhà, đất cho bà L nên đã có văn bản thông báo cho bà L về lý do dừng việc sang tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà L.

Như vậy, có cơ sở xác định, Hợp đồng cho, nhận tài sản do Văn phòng Công chứng Thành Đô lập giữa cụ Chí và bà L là không đúng với ý chí của cụ Chí, vi phạm thủ tục công chứng theo quy định của pháp luật. Trên đất có cả tài sản là nhà ở của ông T, ông Thành và bà Nhã, khi lập Hợp đồng cho nhận tài sản mà không có sự đồng ý của những người có tài sản trên đất là không hợp pháp. Hợp đồng cho, nhận tài sản bị vô hiệu cả về hình thức và nội dung nên không làm phát sinh hiệu lực, việc công chứng Hợp đồng cho, nhận tài sản cần phải bị hủy bỏ.

Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, kháng cáo của bị đơn về nội dung này là không có cơ sở chấp nhận.

2.2 Xét yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật

Như đã phân tích ở nội dung nêu trên nên không có căn cứ xác định nhà, đất tại số 92 Quang Trung, Hà Đông là tài sản chung nên không có cơ sở để chia tài sản chung như yêu cầu của nguyên đơn.

Đối với Bản di chúc đề ngày 28/12/2007, nguyên đơn và những người có

quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đứng về phía nguyên đơn xác định, đây là di chúc duy nhất của cụ Nguyễn Thị Chí, tuy nhiên tại thời điểm lập di chúc cụ Chí chưa được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với nhà, đất này. Trong di chúc không thể hiện số hiệu, diện tích, tờ bản đồ vị trí thửa đất; di chúc không tuân thủ quy định về hình thức… do đó không phát sinh hiệu lực pháp luật. Cụ Hoán chết năm 1999 không có di chúc; cụ Chí chết năm 2014 có lập di chúc nhưng không hợp lệ. Tài sản là 01 căn nhà cấp 4 diện tích 30,08m2 và thửa đất số 259, tờ bản đồ số 14 có diện tích 118,63m2 tại địa chỉ số 92 Quang Trung, Hà Đông, Hà Tây nay là quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, sau khi cụ Chí chết được xác định là di sản thừa kế và được chia theo pháp luật khi đương sự có yêu cầu.

2.3 Việc chia di sản thừa kế theo pháp luật được xác định như sau:

Về huyết thống:

Các bên đương sự cùng thống nhất xác nhận: cụ Lương Đình Hoán (chết 15/10/1990) và cụ Nguyễn Thị Chí (chết 22/10/2012), hai cụ có 11 người con chung gồm: Lương Đình Hiệp (chết năm 02/2012); Lương Thị Hoàng Điệp; Lương Thị Dung; Lương Đình Tiến; Lương Đình Thắng; Lương Đình T; Lương Thị Kim Oanh; Lương Thị Phi Yến; Lương Thị Kim L; Lương Đình Thành và Lương Đình Lâm (chết ngày 14/10/2014 không có vợ con).

Xác định thời điểm mở thừa kế: thời điểm mở thừa kế của cụ Chí là ngày 22/10/2012. Thời điểm mở thừa kế của ông Lương Đình Lâm là ngày 14/10.2014. Căn cứ Điều 645 Bộ luật dân sự năm 2005 và Điều 623 Bộ luật dân sự năm 2015, yêu cầu chia thừa kế của nguyên đơn là trong thời hiệu khởi kiện.

Về diện và hàng thừa kế: Xác định những người được hưởng thừa kế theo pháp luật của cụ Nguyễn Thị Chí thuộc hàng thừ kế thứ nhất gồm:

- Ông Lương Đình Hiệp (chết 7/02/2012), những người thừa kế thế vị của ông Hiệp gồm bà Nguyễn Thị Nhã, anh Lương Đình Sâm, anh Lương Đình Phương và chị Lương Thị Thuý Hằng;
- Bà Lương Thị Hoàng Điệp;
- Bà Lương Thị Dung;
- Ông Lương Đình Tiến;
- Ông Lương Đình Thắng;
- Ông Lương Đình T;
- Bà Lương Thị Kim Oanh;
- Bà Lương Thị Phi Yến;
- Bà Lương Thị Kim L;

- Ông Lương Đình Thành;

- Ông Lương Đình Lâm (ông Lâm chết ngày 14/10/2014 không có vợ con).

Những người trong hàng thừa kế thứ nhất của ông Lâm không còn nên những người trong hàng thừa kế thứ hai của ông Lâm gồm:

+ Bà Nguyễn Thị Nhã, anh Lương Đình Sâm, anh Lương Đình Phương và chị Lương Thị Thuý Hằng là những người thừa kế thế vị của ông Hiệp.

+ Bà Lương Thị Hoàng Điệp;

+ Bà Lương Thị Dung;

+ Ông Lương Đình Tiến;

+ Ông Lương Đình Thắng;

+ Ông Lương Đình T;

+ Bà Lương Thị Kim Oanh;

+ Bà Lương Thị Phi Yến;

+ Bà Lương Thị Kim L;

+ Ông Lương Đình Thành;

Về di sản thừa kế: Xác định di sản thừa kế của cụ Chí gồm, quyền sử dụng thửa đất số 259, tờ bản đồ số 14, diện tích đất ở 118,63 m² được UBND thành phố Hà Đông, tỉnh Hà Tây cấp *"Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"* số AM673790 ngày 01/04/2008. Diện tích đo thực tế là 124,2m2 và căn nhà cấp 4 cũ được chia theo quy định pháp luật.

Theo Biên bản định giá ngày 23/11/2017, tổng giá trị tài sản gồm giá trị quyền sử dụng đất và tài sản trên đất là: 16.333.495.500đồng, trong đó:

- Nhà cấp 4 cũ của cụ Chí (bao gồm cả giá trị cải tạo của ông Thành, nhưng ông Thành không yêu cầu tách mà tính vào di sản) có giá trị 80.259.000đồng;

01 phòng ngủ cũ của cụ Chí có diện tích 12,9m2 + cầu thang, công trình phụ (WC) = 10.368.900đồng.

- Căn nhà 28,8m2 của ông T = 51.252.000đồng;

- Sân cũ, bếp tạm do bà Nhã xây dựng = 12.871.000đồng và căn nhà 02 tầng của bà Nhã 32.744.600đồng

Như vậy giá trị di sản của cụ Chí sau khi trừ giá trị tài sản của ông T và bà Nhã còn lại là 16.333.495.500 đồng - 51.252.000đồng - 12.871.000đồng - 32.744.600đồng =16.236.627.900đồng.

Xét thấy, trên đất hiện nay có ba hộ gia đình đang sử dụng, trong đó ông T có nhiều tài sản phát sinh trên đất nên có nguyện vọng được chia thừa kế bằng hiện vật và có trách nhiệm thanh toán kỷ phần thừa kế bằng giá trị cho các đồng thừa kế

khác và thanh toán giá trị tài sản trên đất cho bà Nhã. Hầu hết những người trong hàng thừa kế còn lại đều nhất trí với nguyện vọng của ông T.

Quá trình giải quyết vụ án, ông T, bà Nhã, bà Yến, ông Thành, bà Dung, ông Tiến, ông Thắng, bà Điệp, bà Hằng, bà Oanh đề nghị Toà án khi chia thừa kế thì kỷ phần của anh Lương Đình Lâm (đã chết) nhường lại cho bà Nhã để bà Nhã xây nhà thờ chung nhưng Toà án cấp sơ thẩm không chia kỷ phần thừa kế cho ông Lâm và không giải quyết nguyện vọng của những người được hưởng thừa kế nêu trên là thiếu sót. Tại phiên toà phúc thẩm, nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nêu trên tiếp tục đề nghị được giải quyết nội dung này ở cấp phúc thẩm mà không cần phải hủy án quay lại để giải quyết ở giai đoạn sơ thẩm. Xét thấy mặc dù Toà án cấp sơ thẩm có thiếu sót nhưng không nghiêm trọng, có thể khắc phục được ở giai đoạn phúc thẩm nên chỉ cần sửa án về nội dung này mà không cần phải huỷ án sơ thẩm.

Phần chia thừa kế

Chia về giá trị: Xác định giá trị di sản của cụ Chí để lại là:

16.236.627.900đồng : 11 kỷ phần = 1.476.057.081,81đồng/ 01 kỷ phần (1.476.057.081đồng).

Xác định những người trong hàng thừa kế thứ nhất được hưởng kỷ phần thừa kế của của cụ Chí gồm:

- Ông Lương Đình Hiệp (chết 07/02/2012), bà Nhã, anh Sâm, anh Phương và chị Hằng thống nhất giao cho bà Nhã nhận kỷ phần thừa kế của ông Hiệp có giá trị 1.476.057.081đồng.

- Bà Lương Thị Hoàng Điệp; bà Lương Thị Dung; ông Lương Đình Tiến; ông Lương Đình Thắng; ông Lương Đình T; bà Lương Thị Kim Oanh; bà Lương Thị Phi Yến; bà Lương Thị Kim L; ông Lương Đình Thành mỗi người được hưởng kỷ phần thừa kế có giá trị 1.476.057.081đồng.

- Ông Lương Đình Lâm (chết ngày 14/10/2014 không có vợ con). Kỷ phần thừa kế ông Lâm được hưởng có giá trị là 1.476.057.081đồng.

** Phần chia tài sản thừa kế của ông Lâm:*

Tài sản thừa kế của ông Lâm là 1.476.057.081đồng : 10 = 147.605.708,1đồng.

Những người trong hàng thừa kế thứ hai của ông Lâm mỗi người được hưởng 147.605.708,1đồng gồm:

- Bà Lương Thị Hoàng Điệp; bà Lương Thị Dung; ông Lương Đình Tiến; ông Lương Đình Thắng; ông Lương Đình T; bà Lương Thị Kim Oanh; bà Lương

Thị Phi Yến; ông Lương Đình Thành, ông Lương Đình Hiệp (do bà Nhã, anh Sâm, anh Phương và chị Hằng là vợ và con của ông Hiệp được hưởng).

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Lương Thị Hoàng Điệp; bà Lương Thị Dung; ông Lương Đình Tiến; ông Lương Đình Thắng; ông Lương Đình T; bà Lương Thị Kim Oanh; ông Lương Đình Thành đều nhất trí nhường kỷ phần thừa kế được hưởng của ông Lâm cho bà Nhã để xây nhà thờ chung. Do vậy kỷ phần của bà Nhã, anh Sâm, anh Phương và chị Hằng (do bà Nhã đại diện) được hưởng là 1.180.845.664,8đồng.

Tổng cộng bà Nhã, anh Sâm, anh Phương và chị Hằng (do bà Nhã đại diện) được hưởng thừa kế của cụ Chí và của ông Lâm tổng cộng là 1.476.057.081đồng + 1.180.845.664,8đồng =**2.656.902.745,8đồng.**

- Bà Lương Thị Kim L và bà Lương Thị Hoàng Yến, mỗi người được hưởng kỷ phần thừa kế của ông Lâm là 147.605.708đồng.

Tổng cộng bà L, bà Yến mỗi người được hưởng kỷ phần thừa kế của cụ Chí và ông Lâm là 1.476.057.081đồng + 147.605.708đồng = 1.623.662.789đồng.

Chia về hiện vật: Giao cho ông Lương Đình T được sở hữu, sử dụng nhà đất tại 92 Quang Trung, quận Hà Đông, Hà Nội, có diện tích 118,63m2 và tạm giao 5,57m2 diện tích đất không nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tổng cộng = 124,20m2. Ông T có nghĩa vụ chấp hành và thực hiện các quy định của Nhà nước đối với diện tích đất 5,57m2 nêu trên.

Ông T có nghĩa vụ thanh toán kỷ phần thừa kế bằng giá trị như đã chia nêu trên cho các đồng thừa kế còn lại và thanh toán giá trị tài sản trên đất cho bà Nhã 45.615.600đồng.

Do ông T, ông Thành, bà Nhã không yêu cầu hưởng công sức trông nom, duy trì khối di sản thừa kế nên Toà án cấp sơ thẩm không giải quyết là có căn cứ.

2.3. Xét kháng cáo của bị đơn về việc Toà án cấp sơ thẩm không tống đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn là vi phạm tố tụng và đề nghị huỷ án sơ thẩm. Hội đồng xét xử xét thấy:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án cấp sơ thẩm đã gửi các văn bản tố tụng cho những người tham gia tố tụng, trên cơ sở đó phía bị đơn cũng đã có văn bản ghi ý kiến, quan điểm của mình. Do bị đơn uỷ quyền cho người khác tham gia tố tụng nên tại các phiên họp tiếp cận chứng cứ và hoà giải, người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn có mặt và trình bày quan điểm (BL 467, 482…). Tại buổi định giá tài sản do bị đơn vắng mặt, Toà án đã gửi thông báo kết quả định giá tài sản cho các đương sự trong vụ án vắng mặt (BL350), người đại diện theo uỷ quyền của bà

L đã nhận và không có ý kiến gì. Tại phiên toà sơ thẩm bà L vắng mặt nhưng người đại diện theo uỷ quyền của bà L cũng có mặt tại phiên toà. Sau khi xét xử sơ thẩm, Toà án cấp sơ thẩm đã tống đạt bản án. Bị đơn đã thực hiện quyền kháng cáo của mình trong thời hạn… Như vậy bị đơn đã được đảm bảo quyền, nghĩa vụ của mình trong quá trình tiến hành tố tụng, khi xét xử, do vậy bị đơn đề nghị huỷ bản án sơ thẩm là không có căn cứ.

Từ những phân tích và nhận định nêu trên, thấy không có căn cứ để chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đơn.

Đối với đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội đề nghị hủy bản án sơ thẩm do Toà án cấp sơ thẩm chưa thu thập đầy đủ tài liệu, chứng cứ liên quan đến hồ sơ mua nhà, đất của cụ Chí theo Nghị định 61/CP. Xét thấy, quá trình giải quyết vụ án, Phòng Tài nguyên và Môi trường thuộc Uỷ ban nhân dân quận Hà Đông đã có văn bản gửi Toà án nhân dân quận Hà Đông, Toà án nhân dân thành phố Hà Nội (BL 397- 397a và Công văn số 1388/TNMT ngày 30/12/2019), trả lời không tìm thấy hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với nhà, đất 92 Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội, như đã phân tích ở nội dung nêu trên. Do vậy đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội về việc huỷ bản án sơ thẩm liên quan đến nội dung này là không có cơ sở.

3. Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Căn cứ Luật người cao tuổi và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội, bà Nguyễn Thị Nhã, bà Lương Thị Hoàng Điệp, bà Lương Thị Dung và ông Lương Đình Tiến được xác định là người cao tuổi nên được miễn nộp tiền án phí. Toà án cấp sơ thẩm tính án phí đối với những người có quyền lợi và nghĩa vụ nêu trên là không đúng, Toà án cấp phúc thẩm sửa lại phần này cho phù hợp với quy định của pháp luật.

Do sửa bản án sơ thẩm nên bị đơn không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ các Điều 127, 609, 610, 611, 612, 613, 614, 623, 649, 650, 651, 652, 660, Điều 688 và Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - ông Lương Đình T về việc: Yêu cầu tuyên bố Hợp đồng cho, nhận quyền sử dụng đất công chứng số 4185/2010/HĐCN, ngày 30/11/2010 do Văn phòng công chứng Thành Đô lập vô hiệu và đề nghị hủy bỏ; yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật.

2. Xác định Hợp đồng cho, nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 259, tờ bản đồ số 14, tại địa chỉ số 92, phố Quang Trung, phường Quang Trung, thành phố Hà Đông, tỉnh Hà Tây (nay là quận Hà Đông, thành phố Hà Nội), có số công chứng 4185/2010/HĐCN ngày 30/11/2010 do Văn phòng công chứng Thành Đô lập bị vô hiệu.

Tuyên huỷ Hợp đồng cho, nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 259, tờ bản đồ số 14, tại địa chỉ số 92, phố Quang Trung, phường Quang Trung, thành phố Hà Đông, tỉnh Hà Tây (nay là quận Hà Đông, thành phố Hà Nội), có số công chứng 4185/2010/HĐCN ngày 30/11/2010 do Văn phòng công chứng Thành Đô lập.

3. Xác định di chúc của cụ Nguyễn Thị Chí lập ngày 28/12/2007 là không hợp lệ nên không phát sinh hiệu lực.

4. ***Xác định thời điểm mở thừa kế:***

- Thời điểm mở thừa kế của cụ Nguyễn Thị Chí là ngày 22/10/2012.
- Thời điểm mở thừa kế của ông Lương Đình Lâm là ngày 14/10.2014.

5. Về di sản thừa kế :

Xác nhận di sản thừa kế của cụ Nguyễn Thị Chí để lại gồm 01 căn nhà cấp 4 cũ và quyền sử dụng thửa đất số 259, tờ bản đồ số 14, diện tích đất ở 118,63 m², được UBND thành phố Hà Đông, tỉnh Hà Tây (nay là quận Hà Đông, thành phố Hà Nội) cấp *"Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"* số AM673790 ngày 01/04/2008 đứng tên cụ Nguyễn Thị Chí. Diện tích đo thực tế là 124,2m2.

6. Chia di sản thừa kế theo pháp luật

6.*1. Phần chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Thị Chí*

* *Phần chia bằng giá trị*: Xác định giá trị di sản thừa kế của cụ Nguyễn Thị Chí để lại là 16.236.627.900đồng.

16.236.627.900đồng : 11 kỷ phần = 1.476.057.081,81đồng (1.476.057.081đồng).

Xác định những người trong hàng thừa kế thứ nhất được hưởng kỷ phần thừa kế của của cụ Chí gồm:

- Ông Lương Đình Hiệp (chết năm 02/2012), bà Nhã, anh Sâm, anh Phương và chị Hằng thống nhất giao cho bà Nhã nhận kỷ phần thừa kế của cụ Chí có giá trị **1.476.057.081đồng**.

- Bà Lương Thị Hoàng Điệp; bà Lương Thị Dung; ông Lương Đình Tiến; ông Lương Đình Thắng; ông Lương Đình T; bà Lương Thị Kim Oanh; bà Lương Thị Phi Yến; bà Lương Thị Kim L; ông Lương Đình Thành mỗi người được hưởng kỷ phần thừa kế có giá trị **1.476.057.081đồng**.

- Ông Lương Đình Lâm (chết ngày 14/10/2014, không có vợ con). Kỷ phần của ông Lâm được hưởng là 1.476.057.081đồng.

6.2. Phần chia tài sản thừa kế của ông Lương Đình Lâm

Tài sản ông Lâm để lại là 1.476.057.081đồng.

Những người trong hàng thừa kế thứ hai của ông Lâm gồm:

- Bà Lương Thị Hoàng Điệp; bà Lương Thị Dung; ông Lương Đình Tiến; ông Lương Đình Thắng; ông Lương Đình T; bà Lương Thị Kim Oanh; bà Lương Thị Phi Yến; ông Lương Đình Thành, bà Lương Thị Kim L, ông Lương Đình Hiệp (bà Nhã, anh Sâm, anh Phương và chị Hằng là vợ và con của ông Hiệp là những người được hưởng phần thừa kế của ông Hiệp).

1.476.057.081đồng :10 người = 147.605.708,1đồng.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Điệp, bà Dung, ông Tiến, ông Thắng, ông T, bà Oanh, ông Thành, nhường kỷ phần thừa kế được hưởng của ông Lâm cho bà Nhã. Do vậy kỷ phần của bà Nhã, anh Sâm, anh Phương và chị Hằng (do bà Nhã đại diện nhận) được hưởng kỷ phần thừa kế của ông Lâm là 1.180.845.664,8đồng.

Tổng cộng bà Nhã, anh Sâm, anh Phương và chị Hằng (do bà Nhã đại diện nhận) được hưởng thừa kế của cụ Chí và của ông Lâm là: 1.476.057.081đồng + 1.180.845.664,8đồng =**2.656.902.745,8đồng.**

- Bà Lương Thị Kim L và bà Lương Thị Hoàng Yến, mỗi người được hưởng kỷ phần thừa kế của ông Lâm là 147.605.708đồng.

Tổng cộng bà L, bà Yến mỗi người được hưởng kỷ phần thừa kế của cụ Chí và ông Lâm là 1.476.057.081đồng + 147.605.708đồng = **1.623.662.789đồng.**

** Phần chia bằng hiện vật:* Giao cho ông T được sở hữu, sử dụng nhà, đất tại 92 Quang Trung, quận Hà Đông, Hà Nội, có diện tích 118,63m2 và tạm giao 5,57m2 diện tích đất không nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tổng cộng 124,2m2. Ông T có nghĩa vụ chấp hành và thực hiện các quy định của Nhà nước đối với diện tích đất 5,57m2 không nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên.

Ông T có nghĩa vụ thanh toán kỷ phần thừa kế bằng giá trị cho các đồng thừa kế gồm:

- Bà Lương Thị Hoàng Điệp **1.476.057.081đồng**;
- Bà Lương Thị Dung **1.476.057.081đồng**;
- Ông Lương Đình Tiến **1.476.057.081đồng**;
- Ông Lương Đình Thắng **1.476.057.081đồng**;
- Bà Lương Thị Kim Oanh **1.476.057.081đồng**;
- Ông Lương Đình Thành **1.476.057.081đồng;**
- Bà Lương Thị Phi Yến **1.623.662.789đồng;**
- Bà Lương Thị Kim L **1.623.662.789đồng;**
- Bà Nguyễn Thị Nhã, anh Lương Đình Phương, anh Lương Đình Sâm và chị Lương Thị Thúy Hằng (do bà Nhã đại diện nhận) 2.656.902.745,8đồng **và** 45.615.600đồng tiền giá trị tài sản trên đất, tổng cộng là **2.702.518.345.8đồng**.

Ông Lương Đình T được quyền đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, để làm thủ tục đăng ký sang tên Giấy chứng nhận quyền sở hữu, sử dụng nhà, đất theo quy định của pháp luật sau khi thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán kỷ phần thừa kế đã chia cho các đồng thừa kế nêu trên.

7. Ghi nhận ông T, ông Thành, bà Nhã không yêu cầu thanh toán tiền công sức trông nom, duy trì khối di sản thừa kế của cụ Chí.

8. Về án phí:

- Miễn án phí cho bà Nguyễn Thị Nhã, bà Lương Thị Hoàng Điệp, bà Lương Thị Dung và ông Lương Đình Tiến.

- Ông Lương Đình Thắng; bà Lương Thị Kim Oanh; ông Lương Đình Thành mỗi người phải chịu 56.281.712đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Anh Lương Đình Sâm, anh Lương Đình Phương và chị Lương Thị Thuý Hằng (do bà Nhã là người đại diện theo uỷ quyền) phải chịu 64.537.774đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm

- Bà Lương Thị Kim L và bà Lương Thị Phi Yến, mỗi người phải chịu 60.709.883đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm; bà L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm 300.000đồng được trừ vào tiền án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền án phí bà L còn phải nộp là 60.409.883đồng.

- Ông Lương Đình T phải chịu 56.281.712đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 100.000.000đồng ông T đã nộp theo biên lai thu số 0003464 ngày 15/6/2017 tại Chi cục Thi hành án quận Hà Đông. Hoàn trả lại cho ông T 43.718.288đồng tạm ứng án phí.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai phúc thẩm, có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát NDTP Hà Nội;.
- Tòa án nhân dân quận Hà Đông;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Hà Đông;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

Trần Thị Thu Nam